TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN TRÀ ÔN** **TỈNH VĨNH LONG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16 /2019/HNGĐ-ST
Ngày: 19/4/2019
V/v tranh chấp ly hôn
và nuôi con

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRÀ ÔN - TỈNH VĨNH LONG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Nga

Các Hội thẩm nhân dân:

Bà Nguyễn Thị Thơm

Bà Nguyễn Thị Mến

- ***Thư ký phiên tòa***: Bà Phan Nguyễn Mộng Cầm – Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long.

- ***Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn tham gia phiên tòa:*** Bà Nguyễn Thị Cẩm Tú – Kiểm sát viên.

Ngày 19 tháng 4 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Trà Ôn, tỉnh Vĩnh Long xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số: 57/2019/TLST-HNGĐ ngày 19 tháng 02 năm 2019, về việc *"Tranh chấp ly hôn và nuôi con"* theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 14/2019/QĐXXST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2019 giữa các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Chị **Trần Thị D**, sinh năm 1992 (Có mặt).

- *Bị đơn*: Anh **Nguyễn Chí H**, sinh năm 1988 (Có mặt).

Cùng địa chỉ: ấp H1, xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Tại đơn xin ly hôn, bản tự khai cùng ngày 03/02/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa nguyên đơn chị Trần Thị D trình bày: Chị và anh Nguyễn Chí H thành hôn vào năm 2011 trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 21/3/2011. Thời gian vợ chồng chung sống được 07 năm lúc đầu có hạnh phúc, sau thường phát sinh mâu thuẫn do anh H đọc đoán, gia trưởng, không tôn trọng vợ , không lo làm ăn, thường xuyên có hành vi bạo lực gia đình, đánh đập vợ, chị đã chịu đựng nhiều đau khổ do anh H mang lại nên chị không thể tiếp tục sống chung với anh H, bỏ đi làm thuê khoảng 01 năm nay vợ chồng đã cắt đứt

quan hệ. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, không thể tiếp tục chung sống, chị yêu cầu được ly hôn với anh H. Về con chung, vợ chồng có 02 con chung tên Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/5/2014 hiện đang sống chung với anh H. Chị yêu cầu được nuôi Nguyễn Ngọc C nếu anh H đồng ý, anh H không đồng ý chị để anh H tiếp tục nuôi con, chị không tự nguyện cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại bản tự khai ngày 07/3/2019, các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án và tại phiên tòa bị đơn anh Nguyễn Chí H trình bày: Anh thống nhất như lời trình bày của chị D về thời gian thành hôn, thời gian kết hôn, về con chung, tài sản chung, nợ chung. Thời gian vợ chồng chung sống có thường xuyên cự cải nhau nên lúc nóng giận, anh có đánh chị D. Anh đã nhận thấy việc làm sai trái của mình hứa sẽ khắc phục mong chị D về sống chung để vợ chồng lo cho con. Anh không đồng ý ly hôn với chị D vì 02 đứa con còn nhỏ. Nếu chị D kiên quyết xin ly hôn, anh yêu cầu được tiếp tục nuôi 02 con, không đồng ý giao Nguyễn Ngọc C cho chị D nuôi vì hai con chung từ nhỏ sống chung với nhau, chia tách con sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của cháu. Anh không yêu cầu chị D cấp dưỡng nuôi con. Về tài sản chung, nợ chung chưa yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại biên bản xác minh ngày 25/3/2019 ông Nguyễn Văn Đ (cha ruột anh H) và chị Trương Thị Kiều T (cán bộ phụ nữ ấp H1) trình bày: Thời gian chị D và anh H sống chung có xảy ra mâu thuẫn, chị D đã bỏ đi và vợ chồng đã cắt đứt quan hệ khoảng 01 năm nay, anh H chăm sóc nuôi dưỡng 02 con chung vẫn đảm bảo.

Tại phiên Tòa:

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Trà Ôn phát biểu:

- Về việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán, Hội đồng xét xử vụ án, Thư ký phiên tòa: Thẩm phán được phân công thụ lý, giải quyết vụ án đã thực hiện đúng, đầy đủ quy định của Bộ luật tố tụng dân sự. Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa đã tuân theo đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về việc xét xử sơ thẩm vụ án.

- Việc tuân theo pháp luật của người tham gia tố tụng: Những người tham gia tố tụng đã thực hiện đầy đủ quyền và nghĩa vụ tố tụng theo quy định của pháp luật.

- Về hướng giải quyết vụ án:

Đề nghị áp dụng các điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn.

- Về quan hệ hôn nhân: chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D. Xử cho chị Trần Thị D được ly hôn với anh Nguyễn Chí H.

- Về con chung: Giao Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/5/2014 cho anh Nguyễn Chí H tiếp tục nuôi dưỡng. Chị D không phải cấp dưỡng nuôi con.

- Về án phí dân sự sơ thẩm: chị D có nghĩa vụ nộp 300.000đ.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh tụng tại phiên tòa Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về hôn nhân: Chị Trần Thị D và anh Nguyễn Chí H thành hôn năm 2011, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã X, huyện T, tỉnh Vĩnh Long ngày 21/3/2011 nên xem đây là hôn nhân hợp pháp, phù hợp theo quy định tại Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình.

[2] Quá trình chung sống chị Trần Thị D, anh Nguyễn Chí H đều xác định có mâu thuẫn xảy ra, anh H có hành vi đánh đập chị D. Giữa chị D và anh H đã cắt đứt quan hệ vợ chồng khoảng 01 năm nay, cả hai không quan tâm đến cuộc sống của nhau, việc này chị D và anh H đều xác nhận. Mặc khác, sau khi thụ lý vụ án Tòa án đã tổ chức hòa giải nhằm giúp đỡ chị D, anh H đoàn tụ nhưng không đạt kết quả. Do đó, Hội đồng xét xử nhận thấy: Mâu thuẫn vợ chồng giữa chị D và anh H đã lâm vào trình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được nên xét thấy cần chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của chị Trần Thị D là phù hợp theo quy định tại Điều 56 của Luật hôn nhân và gia đình.

[3] Về con chung: Giữa chị Trần Thị D và anh Nguyễn Chí H có 02 con chung là Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/5/2014 hiện do anh Nguyễn Chí H đang trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng. Cháu Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 hiện trên 07 tuổi, có nguyện vọng muốn sống chung với cha. Cháu Nguyễn Ngọc C từ trước đến nay do anh H nuôi dưỡng. Chị D và anh H đều xác định cháu N và cháu C từ nhỏ đã quấn quýt nhau nếu chia tách sẽ ảnh hưởng đến cuộc sống của hai cháu. Mặc khác, sau khi chị D bỏ đi, anh H chăm sóc, nuôi dưỡng con chung vẫn đảm bảo, chị D cũng thống nhất để anh H tiếp tục nuôi con. Để đảm bảo cho việc phát triển bình thường của 02 con chung, Hội đồng xét xử xét thấy cần giao Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/5/2014 cho anh Nguyễn Chí H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc là phù hợp theo quy định tại Điều 81 của Luật hôn nhân và gia đình.

[4] Về cấp dưỡng nuôi con: Việc cấp dưỡng nuôi con là nghĩa vụ của người không trực tiếp nuôi con theo quy định tại Điều 82 của Luật hôn nhân và gia đình. Nhưng anh H là người đang trực tiếp nuôi con, anh H không yêu cầu cấp dưỡng nuôi nên Hội đồng xét xử không đề cập xem xét.

[5] Về tài sản chung, nợ chung: Nguyên đơn chị Trần Thị D và bị đơn anh Nguyễn Chí H không yêu cầu giải quyết nên miễn xét.

[6] Về án phí dân sự sơ thẩm: Nguyên đơn chị Trần Thị D có nghĩa vụ nộp số tiền 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) theo quy định tại khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng các điều 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình; khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc Hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn Trần Thị D.

2. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Trần Thị D ly hôn với anh Nguyễn Chí H

3. Về con chung: Giao cháu Nguyễn N, sinh ngày 13/02/2012 và Nguyễn Ngọc C, sinh ngày 25/5/2014 cho anh Nguyễn Chí H tiếp tục nuôi dưỡng, chăm sóc. Chị Trần Thị D không phải cấp dưỡng nuôi con và có quyền, nghĩa vụ trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Buộc nguyên đơn chị Trần Thị D nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí dân sự sơ thẩm nhưng được khấu trừ vào tiền tạm ứng án phí đã nộp theo Biên lai thu số 005153 ngày 19/02/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Trà Ôn, chị D đã nộp đủ.

5. Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo qui định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo qui định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo qui định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

6. Các đương sự được quyền làm đơn kháng cáo bản án trong hạn 15 (Mười lăm) ngày kể ngày tuyên án để chuyển toàn bộ hồ sơ vụ án đến Tòa án nhân dân tỉnh Vĩnh Long xét xử phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Tòa án nhân dân tỉnh;
- Viện kiểm sát nhân dân huyện ;
- Chi cục Thi hành án huyện;
- Các đương sự;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA
(Đã ký)

Nguyễn Thị Thu Nga